



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

Địa chỉ : Số 194 Pasteur, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 38 297 147 – Fax : (028) 38 229 778

E-mail : capnuocbenthanh@vnn.vn

Website : www.capnuocbenthanh.com

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

(Quý cổ đông vui lòng mang theo tài liệu này khi tham dự Đại hội)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2026

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Số TT	Danh mục tài liệu	Trang
1.	Chương trình Đại hội.	3
2.	Thế lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.	5
3.	Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị năm 2025.	7
4.	Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 và kết quả hoạt động.	23
5.	Báo cáo Ban Giám đốc; Báo cáo kiểm toán; Báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ).	31
6.	Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 và chia cổ tức từ lợi nhuận còn lại năm 2023 trở về trước.	
7.	Báo cáo định hướng phát triển và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.	45
8.	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.	51
9.	Tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị kiêm nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị năm 2026.	53
10.	Tờ trình về kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025; thông qua giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và ủy quyền thực hiện.	55

Tài liệu họp Đại hội được đăng tải trên website Công ty tại địa chỉ: www.capnuocbenthanh.com (mục "*Công bố thông tin*" chọn "*Đại hội đồng cổ đông thường niên*").

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
2. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông.
3. Thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.
4. Thông qua danh sách Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu.
5. Thông qua Chương trình làm việc của Đại hội.
6. Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị năm 2025.
7. Báo cáo của Ban kiểm soát về thẩm định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025; kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025.
8. Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán và Báo cáo của kiểm toán độc lập.
9. Trình bày Tờ trình về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 và chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận còn lại năm 2023 trở về trước.
10. Báo cáo Định hướng phát triển và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
11. Trình bày Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.
12. Trình bày Tờ trình về mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị kiêm nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị năm 2026.
13. Trình bày Tờ trình về kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025; thông qua giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và ủy quyền thực hiện.
14. Đại hội thảo luận.
15. Đại hội tiến hành bỏ phiếu biểu quyết những vấn đề chủ yếu của Đại hội.
Nghỉ giải lao (dùng bánh ngọt, trái cây, trà, cà phê,...).
16. Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết.
17. Thông qua Nghị quyết Đại hội.
18. Thông qua Biên bản Đại hội.
19. Tổng kết và bế mạc Đại hội.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

**THẺ LỆ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được tiến hành trong không khí trang trọng, hợp lệ và thành công tốt đẹp, kính đề nghị Quý cổ đông tham dự thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nghĩa vụ của mình dưới đây:

1. Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 23/3/2026 được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

2. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết tại Đại hội.

3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa đoàn điều khiển. Cổ đông tham gia Đại hội phải tuân thủ theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn nhằm tạo điều kiện cho Đại hội diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng và hợp lệ.

4. Khi tiến hành đăng ký tham dự Đại hội, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết, trên đó ghi mã số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

4.1 Phiếu biểu quyết: Cổ đông biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu; Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; Biên bản và Nghị quyết Đại hội và một số nội dung thảo luận phát sinh ngay tại Đại hội cần thống nhất trước khi biểu quyết thông qua. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết, bao gồm: *Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến hoặc Có ý kiến khác.*

4.2 Thẻ biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết nêu trên) bằng cách đánh dấu chéo (X) vào ô *Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến* của từng nội dung được nêu trong Thẻ biểu quyết.

- Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác,... khi không được Chủ tọa yêu cầu; thẻ biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn. Thẻ biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với một nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết.

- Trong một Thẻ biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

- Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm, hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn mà cổ đông chưa biểu quyết, nếu chưa hết thời gian biểu quyết, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.

- Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Thẻ biểu quyết cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó không bỏ phiếu đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.

- Thời gian bắt đầu và kết thúc việc bỏ phiếu do Chủ tọa đoàn hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo tại Đại hội.

5. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thống kê số phiếu *Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến* của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa đoàn. Chủ tọa sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết.

6. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến tham dự muộn không bị ảnh hưởng.

7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

8. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký đoàn ghi chép đầy đủ vào Biên bản Đại hội và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.

9. Thẻ lệ làm việc và biểu quyết này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông./.



Phạm Tuấn Anh

BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;
- Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán) của Công ty;
- Tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty năm 2025 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2025 được xác định là năm bản lề, có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam sau giai đoạn nhiều biến động. Nền kinh tế tiếp tục cho thấy khả năng thích ứng và triển vọng phát triển bền vững, với những tín hiệu tích cực từ các lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ và du lịch. Trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, chính quyền Thành phố tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đồng thời tích cực tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các dự án đầu tư, qua đó tạo động lực tăng trưởng mới, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và đột phá trong trung và dài hạn.

Trong bối cảnh chung đó, nước sạch tiếp tục là sản phẩm thiết yếu, giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với đời sống dân sinh và sự phát triển kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất – kinh doanh nước sạch chịu sự điều tiết chặt chẽ của Nhà nước. Giá bán nước sạch do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành; giá mua sỉ nước sạch được xác định hàng năm thông qua hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV. Cơ chế này khiến Công ty gặp những hạn chế nhất định trong việc chủ động xây dựng và điều tiết các kế hoạch tài chính trung và dài hạn.

Bên cạnh đó, mạng lưới cấp nước trên địa bàn cơ bản đã được phủ kín, dư địa phát triển khách hàng mới không còn nhiều. Xu hướng sử dụng nước tiết kiệm, cùng với việc một bộ phận người dân vẫn khai thác và sử dụng nước giếng, tiếp tục tác động đến sản lượng nước tiêu thụ. Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng trong khi hệ thống hạ tầng kỹ thuật như giao thông, thoát nước, cấp ngầm, viễn thông... chưa được đầu tư đồng bộ, dẫn đến tình trạng thi công chằng chéo. Nhiều tuyến ống cấp nước được chôn sâu, gây khó khăn cho công tác dò tìm rò rỉ, sửa chữa và quản lý vận hành

mạng lưới. Các sự cố bể ống do thi công các công trình hạ tầng khác thường xảy ra trên diện rộng và khó kiểm soát, làm gia tăng tỷ lệ thất thoát nước.

Công tác giảm thất thoát nước đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn và phải được triển khai thường xuyên, liên tục, từ đó tác động trực tiếp đến hiệu quả sản xuất – kinh doanh của Công ty.

Trước những yêu cầu và thách thức nêu trên, trong phạm vi vùng phục vụ khu vực trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty xác định tiếp tục hoàn thiện và hiện đại hóa mạng lưới cấp nước theo hướng thông minh, đồng bộ, phù hợp với định hướng phát triển đô thị thông minh của Thành phố. Trọng tâm là nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; bảo đảm việc cấp nước an toàn, liên tục, ổn định và đáp ứng các tiêu chí chất lượng cao; đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông về lợi nhuận và cổ tức, gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững lâu dài của Công ty.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Kết quả sản xuất kinh doanh: (các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kết quả SXKD năm 2025		Tỷ lệ % thực hiện	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với kế hoạch năm 2025	So với thực hiện năm 2024
			<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/2</i>	<i>5=3/1</i>
1	Sản lượng nước mua sỉ	Triệu m ³	39.986	41.275	39.210	95	98,06
2	Sản lượng nước tiêu thụ	Triệu m ³	36.135	36.900	35.397	95,93	97,96
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	561.465	577.156	550.870	95,45	98,11
	Trong đó: Doanh thu tiền nước		558.524	575.456	549.507	95,49	98,39
4	Giá bán bình quân	Đồng	15.458	15.595	15.528	99,57	100,45
5	Tỷ lệ thực thu đương niên	%	99,02%	100%	99,02%	-	-
6	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100%	100%	100%	-	-
7	Tỷ lệ thất thoát nước	%	9,63	10,6	9,71	-	-
8	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	59.018	59.500	60.530	101,73	102,56
9	Cổ tức năm hiện tại	% / mệnh giá	18,6	18,6	Dự kiến 18,6	-	-
	Cổ tức bổ sung		9	9	Dự kiến 9	-	-

b. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hiện nay, Công ty đang quản lý 64.854 đồng hồ nước, cung cấp nước sạch cho khoảng 104.985 hộ dân trên địa bàn các phường Bến Thành, Cầu Ông Lãnh, Sài Gòn, Tân Định, Bàn Cờ, Nhiêu Lộc và Xuân Hòa (thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là địa bàn Quận 1 và Quận 3, trừ các phường 12, 13, 14). Bên cạnh đó, Công ty còn cung cấp nước cho nhiều cơ quan hành chính, trung tâm thương mại, cùng các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Tỷ lệ hộ dân được tiếp cận và sử dụng nước sạch trên địa bàn đạt 100%, trong đó sản lượng nước phục vụ sinh hoạt hộ dân chiếm 41,74%, phần còn lại phục vụ khối hành chính, kinh doanh và dịch vụ.

Năm 2025, trong bối cảnh sản lượng nước tiêu thụ chịu áp lực giảm do nhiều yếu tố khách quan, Công ty vẫn nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ cấp nước an toàn, liên tục, bảo đảm chất lượng và áp lực nước ổn định, đáp ứng nhu cầu của người dân và khách hàng, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và ổn định đời sống đô thị. Song song đó, Công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số và áp dụng các tiến bộ khoa học – công nghệ vào công tác quản lý, vận hành hệ thống cấp nước, qua đó đạt được những kết quả tích cực trong hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu trong năm 2025 như sau:

- **Sản lượng nước tiêu thụ** đạt 35.397 triệu m³, bằng 95,93% kế hoạch năm (36.900 triệu m³), giảm 738 triệu m³, tương ứng 2,04 % so với năm 2024.

- **Doanh thu tiền nước** đạt 549.507 triệu đồng, bằng 95,49% kế hoạch năm (575.456 triệu đồng); tuy nhiên giảm 1,61% so với thực hiện năm 2024, chủ yếu do cơ cấu tiêu thụ và biến động nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

- **Giá bán bình quân** đạt 15.528 đồng/m³, thấp hơn kế hoạch 67 đồng/m³ và tăng 70 đồng/m³ so với năm 2024, tiếp tục duy trì ở mức cao so với các đơn vị trong hệ thống SAWACO. Kết quả này đạt được nhờ Công ty tăng cường công tác kiểm tra, rà soát và điều chỉnh biểu giá, định mức sử dụng nước theo đúng đối tượng khách hàng; đồng thời chú trọng việc thu thập, cập nhật số định danh cá nhân nhằm xác định và áp dụng định mức nước sinh hoạt chính xác, đúng quy định.

- **Tỷ lệ thực thu tiền nước** đạt 99,02% so với doanh thu, nhờ Công ty tăng cường công tác kiểm tra, nhắc nợ và áp dụng biện pháp tạm ngừng cấp nước đối với các trường hợp nợ kéo dài; đồng thời mở rộng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và kịp thời tiếp nhận, giải quyết các phản ánh, khiếu nại của khách hàng.

- **Công tác quản lý mạng lưới và giảm thất thoát nước** tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Trong năm 2025, Công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện phân vùng, tách mạng; chủ động triển khai dò tìm bể ngầm, điều phối áp lực hợp lý theo từng khu vực DMA và kiểm soát chặt chẽ lộ trình dò tìm rò rỉ. Qua đó, Công ty đã phát hiện và sửa chữa tổng cộng 2.056 điểm bể, bao gồm 389 điểm bể ngầm và 1.667 điểm bể nổi. Hệ thống logger quan trắc trực tuyến được theo dõi thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện các dấu hiệu bất thường. Kết quả, tỷ lệ thất thoát nước năm 2025 giảm còn 9,71% (tính theo m³), cao hơn 0,08% so với năm 2024 và thấp hơn 0.89% so với kế hoạch, mang lại giá trị thu hồi ước tính gần 2 tỷ đồng, tương ứng khoảng 0,27 triệu m³ nước.

- **Lợi nhuận trước thuế** đạt 60.530 triệu đồng, tăng 2,56% so với năm 2024 và vượt chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao. Trên cơ sở kết quả kinh doanh đạt được, Công ty dự kiến chia cổ tức năm 2025 với tổng tỷ lệ 27,6% mệnh giá cổ

phiếu, trong đó 18,6% từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 và 9% từ lợi nhuận sau thuế các năm trước, bảo đảm hài hòa lợi ích của cổ đông và nhu cầu tái đầu tư cho phát triển bền vững.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2024 (Triệu đồng)	Năm 2025 (Triệu đồng)	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	380.695	384.095	0,89%
Doanh thu thuần	561.465	550.870	(1,89)%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	58.894	60.479	2,69%
Lợi nhuận khác	124	51	(58,87)%
Lợi nhuận trước thuế	59.018	60.530	2,56%
Lợi nhuận sau thuế	47.059	48.292	2,62%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	37%	36,05%	(2,57)%
	(cổ tức 18,6%)	(cổ tức 18,6%)	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,57 lần	1,44 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,35 lần	1,24 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	31,36 %	30,17%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (*)	61,90 %	56,95 %	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	25,97	17,56	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,47	1,43	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8,38 %	8,77 %	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	24,4 %	23,74%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	12,36%	12,57%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	10,49 %	10,98 %	

III. VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Tổng quan về hoạt động của Công ty:

Năm 2025, trong bối cảnh hoạt động sản xuất – kinh doanh tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức do các yếu tố khách quan và nội tại, Công ty đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý, điều hành; phát huy tinh thần trách nhiệm, sự đoàn kết và nỗ lực của toàn thể cán bộ, người lao động, qua đó cơ bản hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh đã đề ra. Việc tổ chức thực hiện kế hoạch được triển khai bảo đảm tính kế thừa, ổn định và định hướng phát triển bền vững.

Công tác cung ứng và kinh doanh nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, khách hàng trên địa bàn luôn được duy trì liên tục, ổn định, bảo đảm chất lượng, áp lực và an toàn theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Công ty tiếp tục duy trì tỷ lệ 100% hộ dân trên địa bàn được tiếp cận và sử dụng nước sạch, qua đó góp phần tích cực vào việc bảo đảm an sinh xã hội và phục vụ phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương.

Hoạt động quản lý, cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước được quan tâm đầu tư và triển khai thường xuyên, đồng bộ. Công tác kiểm soát, giảm tỷ lệ nước không doanh thu tiếp tục được thực hiện quyết liệt và hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu suất vận hành hệ thống, tiết kiệm tài nguyên nước và cải thiện hiệu quả sản xuất – kinh doanh của Công ty.

Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý được chú trọng. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng điều hành của đội ngũ cán bộ từng bước được nâng cao, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; kinh nghiệm thực tiễn trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước ngày càng được tích lũy, góp phần nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; các chế độ, chính sách đối với người lao động luôn được quan tâm thực hiện đúng quy định và từng bước cải thiện. Đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tiếp tục được nâng cao, tạo nền tảng ổn định cho sự phát triển bền vững và lâu dài của Công ty.

b. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp quản lý, điều hành đồng bộ và thiết thực, qua đó mang lại những kết quả tích cực và tiến bộ rõ rệt trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. Các chỉ tiêu chủ yếu như lợi nhuận trước thuế, tỷ lệ giảm thất thoát nước và duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cung cấp nước sạch đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, thể hiện hiệu quả trong công tác tổ chức thực hiện và điều hành sản xuất – kinh doanh.

Cơ chế khoán sản phẩm đối với tập thể và người lao động tiếp tục được phát huy hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa kết quả thực hiện nhiệm vụ với thu nhập, năng suất lao động và quyền lợi của người lao động, qua đó tạo động lực làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức tiết kiệm trong toàn Công ty. Công tác rà soát, sắp xếp và kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban, đội được thực hiện

thường xuyên theo hướng tinh gọn, chuyên môn hóa, phù hợp với yêu cầu ngày càng cao trong công tác quản lý và điều hành.

Công ty tiếp tục xây dựng, ban hành và áp dụng đồng bộ các quy định, quy chế quản lý nội bộ, góp phần nâng cao tính minh bạch, kỷ cương và hiệu lực, hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp. Song song đó, các hoạt động hợp tác, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh, từng bước nâng cao chất lượng quản lý, vận hành hệ thống và đi vào chiều sâu.

Công tác cải cách hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng được triển khai tích cực; việc ứng dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật và các tiện ích công nghệ thông tin bước đầu phát huy hiệu quả, hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý nội bộ, cải thiện quy trình nghiệp vụ và nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Tại thời điểm ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 384.095 triệu đồng, tăng 3.400 triệu đồng, tương ứng 0,89% so với cuối năm 2024. Quy mô tài sản duy trì ổn định, phản ánh định hướng tăng trưởng thận trọng và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Cơ cấu tài sản tiếp tục được duy trì ở mức hợp lý, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 42,74% tổng tài sản, bao gồm chủ yếu tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho. Cơ cấu này bảo đảm khả năng thanh khoản, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn lưu động và hoạt động thường xuyên của Công ty.

Trong năm 2025, giá trị tài sản cố định tăng ròng 11.880 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty hoàn thành đầu tư xây dựng cơ bản và đưa vào sử dụng các hạng mục hệ thống ống cấp nước và phát triển mạng lưới cấp nước, với tổng giá trị đầu tư 42.117 triệu đồng. Các khoản đầu tư này nhằm nâng cao năng lực cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trên địa bàn, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và giảm tỷ lệ thất thoát nước trong phạm vi quản lý. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện mua sắm mới tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với giá trị 7.671 triệu đồng.

Tại thời điểm cuối năm 2025, giá trị hàng tồn kho tăng 49,04% so với năm 2024, nhằm chủ động nguồn vật tư, thiết bị phục vụ thi công các công trình đầu tư xây dựng trong giai đoạn cuối năm 2025 và đầu năm 2026, đặc biệt là các hạng mục phối hợp triển khai liên quan đến dự án tuyến Metro của Thành phố. Do quy mô hàng tồn kho gia tăng, vòng quay hàng tồn kho năm 2025 giảm 8,41 lần so với năm 2024. Mức biến động này phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển mạng lưới, nâng cấp hệ thống cấp nước, sửa chữa ống mục cũng như triển khai các giải pháp giảm thất thoát nước của Công ty trong kỳ.

b. Tình hình nợ phải trả:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: 1,44 lần
- Hệ số thanh toán nhanh: 1,24 lần
- Hệ số Nợ/Tổng Tài sản: 30,17%
- Hệ số Nợ/Vốn Chủ sở hữu: 56,95%

Công ty sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đồng vốn được bảo toàn, bảo đảm khả năng chi trả cho các khoản nợ đến hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và công tác quản lý:

Trong thời gian qua, Công ty đã tập trung đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp công nghệ mới và triển khai chuyển đổi số một cách toàn diện trong hoạt động quản lý, vận hành, giám sát mạng lưới cấp nước, dịch vụ khách hàng và quản trị doanh nghiệp. Công nghệ thông tin được ứng dụng đồng bộ trong công tác quản lý, vận hành hệ thống cấp nước và kiểm soát chất lượng nước. Đồng thời, Công ty thực hiện chuẩn hóa, tích hợp và hoàn thiện cơ sở dữ liệu, kết nối hệ thống chăm sóc khách hàng của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (SAWACO) với các phần mềm nghiệp vụ tại đơn vị, từng bước hình thành hệ thống quản lý dữ liệu tập trung, thống nhất, phục vụ hiệu quả công tác điều hành, giám sát và ra quyết định.

Một trong những nội dung trọng tâm là việc xây dựng và đưa vào vận hành Trung tâm vận hành mạng lưới cấp nước (Network Operation Center – NOC), kết hợp với việc triển khai, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Thông qua đó, Công ty từng bước chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường năng lực giám sát và điều hành, bảo đảm việc cung cấp nước sạch an toàn, liên tục và ổn định phục vụ người dân và khách hàng trên địa bàn.

Song song với việc ứng dụng khoa học – công nghệ, Công ty chú trọng phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, người lao động thông qua việc khuyến khích đề xuất sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và các giải pháp áp dụng vào thực tiễn sản xuất – kinh doanh. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, người lao động được quan tâm triển khai thường xuyên, góp phần xây dựng đội ngũ nhân sự có chất lượng, đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

Trong công tác cải cách hành chính, Công ty tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung cải cách theo hướng đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm công khai, minh bạch và lấy nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng làm trọng tâm. Việc duy trì ký kết hợp đồng điện tử và quản lý định mức nước sinh hoạt đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, tối ưu hóa quy trình, tiết kiệm chi phí, giảm thiểu thủ tục giấy tờ, đồng thời mang lại sự tiện lợi, minh bạch cho khách hàng khi có thể thực hiện giao dịch mọi lúc, mọi nơi trên các thiết bị số. Qua đó, Công ty từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, hướng tới mục tiêu quản lý nước bền vững.

Các thông tin liên quan đến thủ tục hành chính, dịch vụ cấp nước, tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, đăng ký định mức sử dụng nước được công khai đầy đủ, kịp thời trên Trang thông tin điện tử của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi để người dân và khách hàng tiếp cận, sử dụng dịch vụ, qua đó nâng cao mức độ hài lòng và củng cố niềm tin đối với Công ty.

Công ty tiếp tục triển khai sâu rộng các hình thức thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt với nhiều phương thức linh hoạt, tiện lợi, góp phần hiện đại hóa công tác tài chính – kế toán, nâng cao hiệu quả kiểm soát dòng tiền, đồng thời hạn chế rủi ro, thất thoát trong quá trình thu tiền nước.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của khách hàng nhằm đánh giá mức độ hài lòng đối với chất lượng dịch vụ cấp nước và

thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên. Trên cơ sở kết quả khảo sát, Công ty kịp thời rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện quy trình phục vụ, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả công tác chăm sóc khách hàng.

Trong công tác phối hợp liên ngành, Công ty tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành của Thành phố và SAWACO trong việc triển khai các hạng mục cải tạo, phát triển mạng lưới cấp nước phục vụ Dự án tuyến đường sắt đô thị Metro Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và lực lượng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy Thành phố bảo đảm cấp nước an toàn, kịp thời phục vụ công tác diễn tập chữa cháy, cứu nạn tại các nhà ga Metro.

Ngoài ra, Công ty đã triển khai lắp đặt các trụ uống nước công cộng miễn phí tại một số khu vực công cộng trên địa bàn các phường Bến Thành, Cầu Ông Lãnh, Sài Gòn, Tân Định, Bàn Cờ, Nhiêu Lộc và Xuân Hòa. Các trụ uống nước được quản lý bằng phần mềm chuyên dụng, tích hợp mã QR để kiểm tra thông tin chất lượng nước, bảo đảm vệ sinh, an toàn và sử dụng trực tiếp nguồn nước sạch từ hệ thống cấp nước đô thị. Hoạt động này góp phần nâng cao tiện ích công cộng, thúc đẩy thói quen sử dụng nước sạch và giảm thiểu việc sử dụng chai nhựa dùng một lần; dự kiến sẽ tiếp tục được nghiên cứu, mở rộng trong thời gian tới.

Bên cạnh các hoạt động nêu trên, Công ty chú trọng công tác quản trị rủi ro, tăng cường các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống cấp nước; chủ động xây dựng và triển khai các phương án ứng phó sự cố, thiên tai, bảo đảm hoạt động cấp nước ổn định trong mọi tình huống. Công tác quản lý, vận hành hệ thống cấp nước luôn gắn liền với mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, giảm thất thoát, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Công ty luôn chủ động xây dựng và triển khai các phương án bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục và ổn định phục vụ các sự kiện chính trị, văn hóa quan trọng của đất nước và Thành phố, đặc biệt là công tác cấp nước phục vụ Đường hoa Nguyễn Huệ vào dịp Tết Nguyên đán hàng năm.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và công tác quản lý trong thời gian qua đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, cải thiện chất lượng dịch vụ cấp nước và gia tăng mức độ hài lòng của khách hàng, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Số lượng cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 5 năm 2022 – 2027 đến thời điểm lập báo cáo như sau:

Giá trị cổ phần: 10.000 đồng/CP

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Cổ phần trực tiếp sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	
1	Ông Phạm Tuân Anh	Chủ tịch HĐQT (kể từ ngày 26/9/2024)	-	-	1.658.000 (Đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV)	17,71	
2	Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên/ Giám đốc (kể từ ngày 24/4/2025)	-	-	1.658.000 (Đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV)	17,71	
3	Ông Lý Bửu Nghĩa	Thành viên (kể từ ngày 10/10/2025)	-	-	1.658.700 (Đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV)	17,72	Hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty;
4	Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Thành viên (kể từ tháng 4/2022)	-	-	-	-	Hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV; Là thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Trung An.

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Cổ phần trực tiếp sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	
5	Ông Văng Công Hiếu	Thành viên (kể từ ngày 24/4/2025)	200	0,002	-	-	Phó Giám đốc đương nhiệm từ ngày 09/9/2025, thời hạn giữ chức vụ là 5 năm.
6	Ông Nguyễn Hữu Trí	Thành viên (kể từ ngày 24/4/2025)	-	-	936.000 (Đại diện vốn góp của Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki)	10,00	Hiện là Giám đốc Khối – Khối Quản lý kênh phân phối Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki; Là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki; Là thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Nhà Bè.
7	Ông Hồ Lê Minh	Thành viên (kể từ tháng 4/2022)	488.550	5,13	-	-	Hiện là thành viên HĐQT CTCP Công trình Giao thông Công chánh; Là thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Trung An.

*** Thuyết minh liên quan đến thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:**

Trước đây, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, nhằm hoàn thiện cơ cấu Hội đồng quản trị (HĐQT) theo hướng có thành viên HĐQT độc lập, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Công ty đã triển khai việc mời cổ đông thực hiện quyền đề cử, ứng cử 02 thành viên HĐQT độc lập cho nhiệm kỳ 2017 – 2022. Tuy nhiên, Công ty không nhận được bất kỳ hồ sơ đề cử, ứng cử nào từ phía cổ đông. Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất ghi nhận tại Nghị quyết và Biên bản Đại hội.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty đã tiến hành bầu HĐQT và Ban kiểm soát cho

nhiệm kỳ mới (2022 – 2027) do HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ trước đã hết nhiệm kỳ. Theo đó, khi gửi thư mời họp Đại hội, HĐQT đã kèm theo đầy đủ các biểu mẫu và tài liệu liên quan đến việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và Ban kiểm soát để cổ đông thực hiện quyền của mình theo quy định. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT, bao gồm cả thành viên HĐQT độc lập, đã được quy định cụ thể trong tài liệu Đại hội. Tuy nhiên, Công ty không nhận được hồ sơ đề cử, ứng cử của cổ đông đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT độc lập.

Trên cơ sở tình hình thực tế nêu trên, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã tiến hành bầu 07 thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ 05 năm (2022 – 2027). Do đó, tại thời điểm hiện tại, cơ cấu HĐQT của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành chưa có thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và khoản 4 Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Như vậy, trong quá trình hoạt động, mặc dù Công ty đã quan tâm và chủ động triển khai các biện pháp nhằm mời gọi, tìm kiếm nhân sự tham gia HĐQT với tư cách là thành viên độc lập theo đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên đến nay Công ty vẫn chưa tìm được ứng viên phù hợp để đảm nhiệm vị trí này. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục rà soát, tìm kiếm và giới thiệu các ứng viên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập cho nhiệm kỳ 2022 – 2027, nhằm bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị công ty.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo sự phân công cụ thể của Hội đồng quản trị, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả và minh bạch.

Việc phân công nhiệm vụ được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ chuyên môn và kinh nghiệm của từng thành viên, nhằm tối ưu hóa hiệu quả quản trị và giám sát hoạt động của Ban Giám đốc, đồng thời bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành và ra quyết định của Hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng quản lý và điều hành hoạt động của Công ty thông qua 04 phiên họp Hội đồng quản trị và việc lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản giữa các phiên họp, với tổng cộng 12 lần lấy ý kiến. Việc tổ chức các phiên họp và lấy ý kiến biểu quyết được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn có liên quan, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, đồng thời chịu sự giám sát chặt chẽ của Ban kiểm soát. Theo đó, toàn bộ hồ sơ lấy ý kiến Hội đồng quản trị đều được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát đúng thể thức, nội dung và thời hạn theo quy định, tương tự như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Nội dung trọng tâm được Hội đồng quản trị xem xét, thảo luận và quyết nghị trong các phiên họp và các đợt lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm: việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; các vấn đề liên quan đến hợp đồng mua bán sỉ nước sạch giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn; chế độ tiền

lương, thưởng và phúc lợi đối với người lao động; cùng các nội dung khác thuộc công tác quản lý, điều hành Công ty.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã ban hành tổng cộng **35** nghị quyết và **08** quyết định liên quan đến công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời được thực hiện dưới sự giám sát của Ban kiểm soát. Các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị đều được Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty báo cáo để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo đúng quy định. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát luôn được cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về tình hình hoạt động của Công ty.

Công tác công bố thông tin được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, khách quan và phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban Giám đốc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên; đồng thời thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định pháp luật.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hiện tại, do Công ty chưa có thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định pháp luật, các thành viên Hội đồng quản trị hiện tại thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

Các nhiệm vụ được phân công bảo đảm tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và hỗ trợ ra quyết định chiến lược. Việc thực hiện chức năng này giúp nâng cao hiệu quả quản trị, bảo đảm sự minh bạch và trách nhiệm giải trình trong toàn bộ hoạt động của Hội đồng quản trị.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

f. Đào tạo quản trị Công ty:

Trong năm 2025, Công ty đã tạo điều kiện để các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty tham dự các chương trình đào tạo ngắn hạn, tập trung vào các lĩnh vực liên quan đến quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính, pháp luật doanh nghiệp và các kỹ năng hỗ trợ hoạt động điều hành.

Việc đào tạo này nhằm nâng cao năng lực quản lý, giám sát và điều hành, cập nhật kiến thức mới theo quy định pháp luật, thực tiễn kinh doanh và xu hướng phát triển của ngành, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và phát triển bền vững của Công ty.

g. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi giá trị phân cấp thẩm quyền quyết định cho Giám đốc:

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022; căn cứ thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội

đồng quản trị có thẩm quyền xem xét, quyết định việc phân cấp và điều chỉnh giá trị phân cấp thẩm quyền cho Giám đốc phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty, đồng thời có trách nhiệm báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất để giám sát và ghi nhận.

Trên cơ sở đó, tại phiên họp thứ 3 năm 2025 của Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2022 – 2027, tổ chức ngày 25/7/2025, Hội đồng quản trị đã xem xét và ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CNBT-HĐQT ngày 31/7/2025 về việc điều chỉnh giá trị phân cấp thẩm quyền quyết định cho Giám đốc tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông nội dung điều chỉnh như sau:

1. Điều chỉnh giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản phân cấp cho Giám đốc.

Hội đồng quản trị thống nhất điều chỉnh giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản đã phân cấp cho Giám đốc từ mức dưới 15 tỷ đồng Việt Nam lên mức dưới 20 tỷ đồng Việt Nam, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 25 của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Cụ thể:

“a. Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản (bao gồm các dự án phát triển, các dự án lắp đặt hệ thống cấp nước mới thay thế hệ thống cũ huỷ bỏ, cải tạo mạng lưới cấp nước):

Giám đốc được quyền quyết định đầu tư, phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong danh mục đầu tư xây dựng cơ bản đã được Hội đồng quản trị thông qua và ký các hợp đồng về xây dựng cơ bản có giá trị dưới 20 (hai mươi) tỷ đồng Việt Nam. Hội đồng quản trị có thể thay đổi giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản đã phân cấp cho Giám đốc theo quy định tại điểm này phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và quy định pháp luật, nhưng phải báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị về thay đổi giá trị phân cấp nêu trên được đính kèm Quy chế này để theo dõi, thực hiện và được xem là một phần cập nhật của Quy chế mà không cần sửa đổi trực tiếp giá trị phân cấp nêu tại điểm này. Trường hợp tổng giá trị tài sản của công ty giảm xuống dẫn đến 20 tỷ đồng Việt Nam lớn hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, thẩm quyền quyết định sẽ thuộc về Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ công ty.

Giám đốc có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong danh mục đầu tư xây dựng cơ bản đã được Hội đồng quản trị thông qua trong phiên họp gần nhất”.

2. Điều chỉnh giá trị hợp đồng, giao dịch, dự án phân cấp cho Giám đốc.

Hội đồng quản trị thống nhất điều chỉnh giá trị hợp đồng, giao dịch, dự án đã phân cấp cho Giám đốc từ mức dưới 5 tỷ đồng Việt Nam lên mức dưới 10 tỷ đồng Việt Nam, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Cụ thể:

“b. Đối với các hợp đồng kinh tế:

i. Đối với các hợp đồng, giao dịch theo quy định phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

ii. Trừ trường hợp quy định tại tiết i điểm này, đối với các giao dịch, hợp đồng kinh tế, mua sắm vật tư, phụ tùng, trang thiết bị, hàng hoá phục vụ sản xuất kinh doanh và công tác quản lý của đơn vị:

Giám đốc Công ty được quyền quyết định và phê duyệt việc thực hiện các giao dịch, các hợp đồng kinh tế, dự án mua sắm vật tư, phụ tùng, trang thiết bị, hàng hoá phục vụ sản xuất kinh doanh và công tác quản lý của đơn vị có giá trị dưới 10 (mười) tỷ đồng Việt Nam. Hội đồng quản trị có thể thay đổi giá trị hợp đồng, giao dịch, dự án đã phân cấp cho Giám đốc theo quy định tại điểm này phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và quy định pháp luật, nhưng phải báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị về thay đổi giá trị phân cấp nêu trên được đính kèm Quy chế này để theo dõi, thực hiện và được xem là một phần cập nhật của Quy chế mà không cần sửa đổi trực tiếp giá trị phân cấp nêu tại điểm này”.

Ngày 31/7/2025, Công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời Nghị quyết số 25/NQ-CNBT-HĐQT trên hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

h. Về việc không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng:

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 của Luật Chứng khoán số 56/2024/QH15, một trong các điều kiện để công ty cổ phần được xác định là công ty đại chúng là đáp ứng yêu cầu về cơ cấu cổ đông theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm cuối năm 2025, cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành không còn đáp ứng điều kiện nêu trên. Công ty đã thực hiện công bố thông tin bất thường gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 14/01/2026 theo đúng quy định của pháp luật.

Việc thay đổi cơ cấu cổ đông nêu trên xuất phát từ biến động trong sở hữu cổ phần của các cổ đông và không làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành và các bộ phận liên quan thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin và tiếp tục thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý.

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc tổ chức triển khai và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Định kỳ hàng quý, Giám đốc Công ty lập và gửi Hội đồng quản trị báo cáo về một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu; đồng thời, tại các kỳ họp của Hội đồng quản trị, Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động sản xuất – kinh doanh đến thời điểm báo cáo, cũng như phương hướng, kế hoạch thực hiện trong thời gian tiếp theo để Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Thông qua công tác giám sát nêu trên, Hội đồng quản trị nhận thấy Giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã thực hiện công tác điều hành, quản lý đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Công tác phối hợp giữa Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý được thực hiện chặt chẽ, góp phần hoàn

thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao; đồng thời chủ động, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành, đề xuất và triển khai các biện pháp, giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị:

*** Đối với thù lao:**

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2025 như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị: 7.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng

(Riêng Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát do đảm nhận công tác chuyên trách nên không nhận thù lao).

*** Đối với tiền lương:**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát (không hưởng thù lao) hưởng lương chuyên trách theo hệ thống thang bảng lương của doanh nghiệp (áp dụng Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và Thông tư 003/2025/TT- BNV ngày 28/04/2025).

- Các thành viên trong Ban Giám đốc hưởng lương ban điều hành theo hệ thống thang bảng lương của doanh nghiệp (áp dụng Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và Thông tư 003/2025/TT- BNV ngày 28/04/2025).

*** Đối với tiền thưởng:**

Căn cứ lợi nhuận sau thuế và sau khi đã trích các quỹ theo quy định, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định quỹ thưởng cụ thể cho Ban quản lý, điều hành. Căn cứ quỹ thưởng do Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty sẽ phân phối cho các thành viên.

*** Các lợi ích khác:**

Ngoài tiền lương, thù lao, tiền thưởng đã trình bày trên, người quản lý công ty được trang bị các phương tiện và dụng cụ làm việc để phục vụ công tác theo quy định.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2025, trong bối cảnh tình hình kinh tế – xã hội và môi trường kinh doanh còn nhiều khó khăn, Công ty vẫn đạt được những kết quả tích cực. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự điều hành chủ động, quyết liệt của Ban Giám đốc cùng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực của toàn thể cán bộ, công nhân viên, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV giao.

Hoạt động cấp nước được tổ chức thực hiện an toàn, ổn định, chất lượng nước được bảo đảm theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân trên địa bàn, qua đó góp phần thực hiện tốt công tác an sinh xã hội. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, bảo đảm hài hòa quyền lợi của khách hàng, cổ đông và người lao động, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH;
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty;
- Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán) của Công ty;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị Công ty năm 2025.

Ban Kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành năm 2025 như sau:

I. BÁO CÁO THẨM ĐỊNH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh doanh năm 2024 thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2025, kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kết quả SXKD năm 2025		Tỷ lệ % thực hiện	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với kế hoạch năm 2025	So với thực hiện năm 2024
			<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4 = 3/2</i>	<i>5 = 3/1</i>
1	Sản lượng nước mua sỉ	Triệu m ³	39.986	41.275	39.210	95	98,06
2	Sản lượng nước tiêu thụ	Triệu m ³	36.135	36.900	35.397	95,93	97,96
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	561.465	577.156	550.870	95,45	98,11
	Trong đó: Doanh thu tiền nước		558.524	575.456	549.507	95,49	98,39

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kết quả SXKD năm 2025		Tỷ lệ % thực hiện	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với kế hoạch năm 2025	So với thực hiện năm 2024
			1	2	3	4=3/2	5=3/1
4	Giá bán bình quân	Đồng	15.458	15.595	15.528	99,57	100,45
5	Tỷ lệ thực thu đương niên	%	99,02%	100%	99,02%	-	-
6	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100%	100%	100%	-	-
7	Tỷ lệ thất thoát nước	%	9,63	10,6	9,71	-	-
8	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	59.018	59.500	60.530	101,73	102,56
9	Cổ tức năm hiện tại	%/mệnh giá	18,6	18,6	Dự kiến 18,6	-	-
	Cổ tức bổ sung		9	9	Dự kiến 9	-	-

Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành nêu trên và có một số nhận định sau:

- Sản lượng nước mua sỉ thực hiện năm 2025 là 39,210 triệu m³ đạt 95% kế hoạch năm 2025, giảm 776.000 m³ so với sản lượng cùng kỳ năm 2024. Việc giảm sản lượng nước mua sỉ qua các đồng hồ tổng là do Công ty đã thực hiện hiệu quả công tác giảm thất thoát nước. Ngoài ra, tổng lượng nước mua vào giảm do sản lượng tiêu thụ giảm, góp phần bù đắp chi phí tăng phát sinh từ việc giá mua sỉ nước sạch tăng 32,66 đồng/m³ (từ 7.422,83 đồng/m³ lên 7.455,49 đồng/m³).

- Sản lượng nước tiêu thụ thực hiện năm 2025 là 35,397 triệu m³, đạt 95,93% kế hoạch năm, đã giảm 738.000 m³ so với sản lượng cùng kỳ năm 2024 là 36,135 triệu m³. Doanh thu tiền nước là 549,5 tỷ đồng, đạt 95,49% kế hoạch, so với cùng kỳ năm 2024 giảm khoảng 9 tỷ đồng. Tình hình sản lượng nước tiêu thụ được lãnh đạo quan tâm chỉ đạo thường xuyên, tập trung triển khai thực hiện nhưng tỷ lệ đạt được còn thấp, nguyên nhân do tình hình phát triển kinh tế trên địa bàn hoạt động của Công ty còn nhiều khó khăn, sự tác động của các chính sách quy định pháp luật, sự thay đổi mô hình quản lý nhà nước cùng xu hướng chuyển dịch kinh doanh trực tuyến thông qua các ứng dụng công nghệ nên các tuyến đường trung tâm nhiều mặt bằng, đơn vị trên địa bàn đóng cửa, ngưng hoạt động kinh doanh dịch vụ kéo dài, địa bàn Công ty cấp nước đã bão hoà, không có khả năng tăng thêm khách hàng mới.

- Về giá bán nước bình quân năm 2025 là 15.528 đồng/m³, đạt 99,57% so với kế hoạch, đã tăng 70 đồng so với cùng kỳ năm 2024 là do Công ty đã triển khai quyết liệt đẩy mạnh công tác thu thập số định danh cá nhân để cấp định mức nước cho khách

hàng sử dụng nước theo quy định, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra áp dụng giá biểu đúng đối tượng sử dụng nước. Tuy nhiên, thời điểm hiện tại Công ty cơ bản đã hoàn thành việc cập nhật định danh cá nhân để cấp định mức nước nên tỷ lệ lượng nước kinh doanh - sinh hoạt không có sự thay đổi nhiều, giá bán bình quân năm 2025 không tăng cao nhiều so với năm 2024.

- Trong công tác chống thất thoát nước đến cuối năm 2025, tỷ lệ thất thoát nước là 9,71%, giảm được 0,89% so với kế hoạch năm 2025, tăng 0,08% so với cùng kỳ năm 2024, công tác giảm thất thoát nước hiệu quả giúp giảm chi phí mua si nước sạch góp phần tăng lợi nhuận mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong thời gian tới, Công ty cần đẩy mạnh các biện pháp chống thất thoát nước chủ động, thường xuyên theo dõi các dữ liệu áp lực, lưu lượng trên toàn địa bàn, tập trung thực hiện dò bể và sửa bể ngầm phần đầu năm 2026 tiếp tục kéo giảm thất thoát nước đảm bảo duy trì mức dưới 10%.

- Duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch.

- Về công tác xây dựng cơ bản: Thực hiện công tác thay thế, cải tạo nâng cấp ống cấp nước với tổng chiều dài 8.064 m, đạt 146,86% kế hoạch năm. Thực hiện sửa chữa ống mục là 7.416 m ống, đạt 144% kế hoạch năm.

Công ty đã thực hiện gắn mới 79 đồng hồ nước đảm bảo 100% nhu cầu khách hàng, thay 88 đồng hồ nước cỡ lớn đạt 146,67% kế hoạch năm, thay 11.012 đồng hồ nước cỡ nhỏ đạt 109,9% kế hoạch năm.

Với những chỉ tiêu cơ bản nêu trên, lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2025 đạt 60.530 triệu đồng tăng 101,73% so với kế hoạch, với kết quả này Công ty có thể đảm bảo mức chi trả cổ tức với tỷ lệ dự kiến là 18,6% từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 và 9% từ lợi nhuận sau thuế các năm trước, đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước, quyền lợi của cổ đông và người lao động.

2. Thẩm định tình hình tài chính năm 2025:

Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY với nhận định chung như sau: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua một số chỉ tiêu tài chính cơ bản tại thời điểm 31/12/2025 như sau:

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,57 lần	1,44 lần
TSLĐ/Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,35 lần	1,24 lần
TSLĐ - Hàng tồn kho		
Nợ ngắn hạn		

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	31,36 %	30,17 %
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	61,90 %	56,95 %
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán</i> <i>Hàng tồn kho bình quân</i>	25,97	17,56
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,47	1,43
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8,38 %	8,77 %
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	24,4 %	23,74%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	12,36%	12,57%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	10,49 %	10,98 %

Thông qua đánh giá một số chỉ tiêu tài chính cơ bản nêu trên thể hiện trong năm 2025 Công ty đã bảo toàn và phát triển đồng vốn có hiệu quả, đảm bảo khả năng chi trả cho các khoản nợ đến hạn.

- Về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm so với cùng kỳ năm 2024, cho thấy nguồn vốn lưu động tạm thời giảm do tăng chi cho các hoạt động đầu tư và thanh toán trong kỳ.

- Về cơ cấu vốn: Hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản và trên vốn chủ sở hữu đều giảm so với cùng kỳ, phản ánh nhu cầu vốn phục vụ hoạt động và đầu tư trong kỳ giảm xuống. Mức nợ hiện tại vẫn nằm trong ngưỡng an toàn do Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán và cân đối nguồn vốn hợp lý nhờ đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ vào các tháng cuối năm.

Hàng tồn kho cuối năm 2025 tăng 49,04% so với năm 2024, giá trị hàng tồn kho vẫn còn cao nhằm chủ động cung cấp kịp thời vật tư thi công các công trình XD CB phục vụ công tác chống thất thoát nước. Công ty cần tăng cường thực hiện các giải pháp quản lý hiệu quả hàng tồn kho, đảm bảo thực hiện đúng quy định về quản lý tài chính, đảm bảo cho việc sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả, nâng cao năng lực hoạt động của Công ty.

Qua kết quả trên cho thấy, tập thể CB-CNV Công ty đã phấn đấu thực hiện tốt những chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đề ra. Việc cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của nhân dân và khách hàng trên địa bàn luôn đảm bảo, ổn định chất lượng, đáp ứng được 100% nhu cầu sử dụng nước sạch, góp phần vào công tác đảm bảo an sinh xã hội của Thành phố.

Các chế độ phúc lợi, quyền lợi của người lao động được thực hiện đúng Luật lao động, thỏa ước lao động; việc chi trả lương hàng tháng được thực hiện đúng hạn; các chế độ thi đua khen thưởng cũng như các khoản phúc lợi được thực hiện đầy đủ theo kế hoạch đề ra, đảm bảo tiền lương và thu nhập của người lao động tăng hàng năm tương ứng với năng suất lao động và kết quả sản xuất kinh doanh.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2025:

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện các công việc chủ yếu như sau:

- Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; đề xuất Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty; báo cáo thẩm định các nội dung chủ yếu để chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Giám sát công tác quản lý của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Ban Giám đốc Công ty.

- Tham dự các buổi họp giao ban định kỳ hàng tháng nắm bắt thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty.

- Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị; giám sát việc thực hiện lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Rà soát các báo cáo tài chính hàng quý của Công ty; Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ cho Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Tổng Công ty theo quy định (căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TCT-HĐTV ngày 18/11/2024 về Quy chế hoạt động và đánh giá đối với người được Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đề cử tham gia Trưởng ban Kiểm soát, Kiểm soát viên tại các Công ty cổ phần).

- Phối hợp với các bộ phận liên quan giám sát công tác kiểm kê hóa đơn tiền nước tồn thu; giám sát kiểm kê tồn quỹ tiền mặt năm 2025 của Công ty; giám sát việc kiểm kê tài sản, vật tư phục vụ công tác lập Báo cáo tài chính bán niên và năm 2025 của Công ty.

2. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

Năm 2025, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp, nội dung họp thông qua báo cáo thẩm định tình hình SXKD hàng quý của Công ty, các nội dung chuẩn bị họp Hội đồng quản trị, nội dung báo cáo định kỳ hàng quý cho Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Tổng Công ty theo quy định; thông qua báo cáo thẩm định về quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của Công ty, báo cáo thẩm định các nội dung chủ yếu để chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty;

Trong quá trình làm việc, thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại để nắm bắt thông tin kịp thời, liên tục.

3. Tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã biểu quyết thông qua mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2025 như sau:

- + Kiểm soát viên: 4.000.000 đồng/người/tháng.

(Riêng Trưởng Ban kiểm soát do đảm nhận công tác chuyên trách nên không nhận thù lao).

Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương chuyên trách theo hệ thống thang bảng lương của doanh nghiệp (áp dụng Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và Thông tư 003/2025/TT- BNV ngày 28/04/2025 và tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ.).

Công ty đã chi và hạch toán tiền lương, thưởng và các lợi ích khác cho Trưởng Ban kiểm soát và tiền thù lao, tiền thưởng cho các Kiểm soát viên theo đúng quy định.

4. Kết quả giám sát công tác quản lý của Hội đồng quản trị:

Năm 2025, Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty thông qua 04 phiên họp Hội đồng quản trị và 12 lần lấy các ý kiến biểu quyết bằng văn bản giữa các phiên họp, đã ban hành 35 nghị quyết và 08 quyết định liên quan đến công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025 bảo đảm tuân thủ đúng quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, thực hiện đầy đủ chế độ họp định kỳ và tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản giữa các phiên họp đối với các vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị đã kịp thời thông qua các nội dung liên quan đến việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, về hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, về tiền lương, thưởng và các khoản phúc lợi của người lao động, về công tác quản lý, điều hành của Công ty.

Việc công bố thông tin luôn tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị đã kịp thời chỉ đạo giải quyết các vướng mắc khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho Ban Giám đốc điều hành hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã đề ra.

5. Kết quả giám sát công tác điều hành của Ban Giám đốc Công ty:

Ban Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, quy định của Nhà nước trong điều hành sản xuất kinh doanh. Chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ, chính sách đối với người lao động.

Trong năm 2025, Công ty có những cải tiến về cơ cấu tổ chức, quản lý ứng dụng nhiều tiện ích công nghệ thông tin, phần mềm trong công tác quản lý và phục vụ khách hàng, tạo tiền đề quan trọng cho công tác cải cách hành chính nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng theo chiều sâu.

Thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát việc mua sắm vật tư, trang thiết bị; kiểm kê vật tư, tài sản và xử lý vật tư, tài sản sau kiểm kê; tổ chức đấu thầu mua sắm vật tư, máy móc thiết bị đúng quy định.

Thực hiện nghiêm chế độ kiểm toán độc lập, báo cáo định kỳ theo quy định đối với công ty đại chúng; thực hiện chế độ công bố thông tin định kỳ và bất thường trên thị trường chứng khoán nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

6. Đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Trong năm qua, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty và giám sát việc thực hiện lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản. Việc kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tạo điều kiện thuận lợi, được thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời Ban kiểm soát tham dự, Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ thông tin các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát cũng đã trao đổi, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo của Ban kiểm soát theo quy định.

III. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

Trong năm 2025, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh nhưng với sự nỗ lực và quyết tâm, Công ty đã thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Công tác quản lý tài chính hiệu quả, từng bước tích lũy vốn để đầu tư phát triển tạo ra các giá trị bền vững cho Công ty.

Qua giám sát Công ty đã thực hiện tốt công tác cấp nước thường xuyên, liên tục, đảm bảo chất lượng, hoạt động sản xuất kinh doanh được quản lý chặt chẽ đảm bảo đúng các quy định hiện hành. Công ty tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành và vận hành hoạt động cấp nước, cũng như cung cấp các dịch vụ cấp nước đến khách hàng. Công tác cải cách hành chính nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện với các giải pháp cụ thể, hiệu quả. Duy trì thực hiện công tác đánh giá nội bộ việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO trong hoạt động dịch vụ cấp nước, thực hiện các Báo cáo theo quy chế người đại diện vốn góp Tổng Công ty, báo cáo tình hình quản trị Công ty và các báo cáo khác theo quy định, thực hiện đầy đủ và đúng các quy định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết.

Thường xuyên tăng cường quản lý công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đảm bảo sử dụng vốn đầu tư hiệu quả, thực hiện đúng quy định pháp luật về đầu tư xây dựng, đấu thầu và các quy định hiện hành có liên quan. Chủ động mua sắm vật tư theo đúng kế hoạch SXKD phù hợp tiến độ XDCB để tránh tồn kho nhiều ảnh hưởng đến tình hình tài chính Công ty, thường xuyên rà soát và có phương án thanh lý các vật tư chậm luân chuyển nhằm nâng cao chỉ tiêu năng lực hoạt động của Công ty.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để công tác quản lý được chặt chẽ hơn, tập trung kiểm soát tốt dòng tiền, cân đối chi phí hợp lý, tăng cường công tác quản lý tài chính hiệu quả, khắc phục những tồn tại nhằm giảm đến mức thấp nhất những kiến nghị của Đoàn Kiểm toán Nhà nước hậu kiểm định kỳ.

Triển khai xây dựng phương án theo đề xuất của Công ty sử dụng đúng mục đích nguồn Quỹ đầu tư phát triển đã trích đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng ổn định và phát triển, công tác quản lý ngày càng hiện đại, hiệu quả.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thu Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, trình bày từ trang 07 đến trang 40 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành là công ty cổ phần, được thành lập từ quá trình cổ phần hóa Chi nhánh Cấp nước Bến Thành thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV theo Quyết định số 6652/QĐ-UBND ngày 30/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103005880 đăng ký lần đầu ngày 08/01/2007, theo Giấy Chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần số 0304789925 (được đổi từ số 4103005880) đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 17/09/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 194 Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất; Xây dựng công trình cấp nước; Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Tuấn Anh	- Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	- Thành viên
Ông Hồ Lê Minh	- Thành viên
Ông Lý Bửu Nghĩa	- Thành viên: Bổ nhiệm kể từ ngày 10/10/2025
Ông Nguyễn Hoài Nam	- Thành viên: Bổ nhiệm kể từ ngày 24/04/2025
Ông Văng Công Hiếu	- Thành viên: Bổ nhiệm kể từ ngày 24/4/2025
Ông Nguyễn Hữu Trí	- Thành viên: Bổ nhiệm kể từ ngày 24/4/2025
Ông Nguyễn Doãn Xã	- Thành viên: Miễn nhiệm kể từ ngày 24/4/2025
Ông Trần Quang Phương	- Thành viên: Miễn nhiệm kể từ ngày 24/4/2025
Ông Tạ Chương Lâm	- Thành viên: Miễn nhiệm kể từ ngày 24/4/2025
Bà Nguyễn Thị Bảo Châu	- Thành viên: Miễn nhiệm kể từ ngày 10/10/2025

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hương	- Trưởng ban
Bà Phạm Thị Phương Linh	- Thành viên
Bà Phạm Thiên Trinh	- Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hoài Nam	- Giám đốc: Bổ nhiệm kể từ ngày 24/4/2025
Ông Nguyễn Doãn Xã	- Giám đốc: Miễn nhiệm kể từ ngày 24/4/2025
Ông Trương Tấn Quốc	- Phó Giám đốc
Ông Văng Công Hiếu	- Phó Giám đốc: Bổ nhiệm kể từ ngày 9/9/2025
Ông Phạm Chí Thiện	- Phó Giám đốc: Miễn nhiệm kể từ ngày 22/4/2025

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Cường.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 24/04/2025 là Ông Nguyễn Doãn Xã và từ ngày 24/04/2025 đến ngày 31/12/2025 và đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hoài Nam - Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan

đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Hoài Nam

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10 tháng 3 năm 2026, trình bày từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu

chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phan Thanh Điền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2023-112-1

Hà Thị Thanh Thúy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm
toán
số: 4707-2024-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		164.172.076.818	178.097.486.297
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	60.718.713.521	85.407.192.689
Tiền	111		55.718.713.521	80.407.192.689
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	51.100.000.000	46.100.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		51.100.000.000	46.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.942.635.609	9.214.343.899
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	11.681.731.821	11.460.895.440
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.273.612.351	425.076.088
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.287.564.414	482.323.508
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7, 9	(3.300.272.977)	(3.153.951.137)
Hàng tồn kho	140	11	32.638.507.469	25.064.720.944
Hàng tồn kho	141		32.638.507.469	25.064.720.944
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.772.220.219	12.311.228.765
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	4.569.401.394	6.990.225.337
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.058.034.389	3.968.957.750
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	1.144.784.436	1.352.045.678
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		219.923.224.510	202.597.603.726
Các khoản phải thu dài hạn	210		180.000.000	366.696.346
Phải thu dài hạn khác	216	9	1.337.969.085	1.524.665.431
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	7, 9	(1.157.969.085)	(1.157.969.085)
Tài sản cố định	220		208.306.549.753	196.427.404.258
Tài sản cố định hữu hình	221	13	204.836.942.671	194.346.970.559
- Nguyên giá	222		545.576.638.699	495.807.472.999
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(340.739.696.028)	(301.460.502.440)
Tài sản cố định vô hình	227	14	3.469.607.082	2.080.433.699
- Nguyên giá	228		8.572.873.891	6.592.603.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.103.266.809)	(4.512.169.821)
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.943.967.084	5.576.579.738
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	7.943.967.084	5.576.579.738
Tài sản dài hạn khác	260		3.492.707.673	226.923.384
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.492.707.673	226.923.384
TỔNG TÀI SẢN	270		384.095.301.328	380.695.090.023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		115.881.012.792	119.398.565.672
Nợ ngắn hạn	310		114.067.581.539	113.553.690.951
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	54.085.809.693	66.528.204.283
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	7.690.406.499	1.869.994.097
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	19.250.792.291	14.608.391.079
Phải trả người lao động	314		13.539.547.425	12.531.418.331
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	1.009.252.427	941.852.070
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	4.807.908.392	3.852.275.509
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	4.031.843.468	4.031.843.468
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.652.021.344	9.189.712.114
Nợ dài hạn	330		1.813.431.253	5.844.874.721
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	1.813.431.253	5.844.874.721
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		268.214.288.536	261.296.524.351
Vốn chủ sở hữu	410	22	268.214.288.536	261.296.524.351
Vốn góp của chủ sở hữu	411		93.600.000.000	93.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		93.600.000.000	93.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		113.387.527.092	99.278.821.947
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.226.761.444	68.417.702.404
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.934.739.026	21.358.739.026
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		48.292.022.418	47.058.963.378
TỔNG NGUỒN VỐN	440		384.095.301.328	380.695.090.023

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2026***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc****Tạ Thị Kiều Vân****Nguyễn Hữu Cường****Nguyễn Hoài Nam**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	550.869.711.512	561.464.712.365
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		550.869.711.512	561.464.712.365
Giá vốn hàng bán	11	24	332.918.140.913	344.741.338.039
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		217.951.570.599	216.723.374.326
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.118.124.878	1.921.358.478
Chi phí tài chính	22	26	508.727.083	841.437.766
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		508.727.083	841.437.766
Chi phí bán hàng	25	27	94.995.585.609	98.134.217.686
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	64.086.215.866	60.774.637.590
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.479.166.919	58.894.439.762
Thu nhập khác	31	28	1.818.750.357	126.999.638
Chi phí khác	32	29	1.767.638.403	3.332.534
Lợi nhuận khác	40		51.111.954	123.667.104
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.530.278.873	59.018.106.866
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	12.238.256.455	11.959.143.488
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		48.292.022.418	47.058.963.378
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	5.159	3.367
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	5.159	3.367

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tạ Thị Kiều Vân

Nguyễn Hữu Cường

Nguyễn Hoài Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	60.530.278.873	59.018.106.866
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	39.870.290.576	37.906.697.007
Các khoản dự phòng	03	146.321.840	(564.911.732)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.118.124.878)	(1.921.358.478)
Chi phí lãi vay	06	508.727.083	841.437.766
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	98.937.493.494	95.279.971.429
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.630.814.993)	(2.104.355.671)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(7.573.786.525)	(1.346.663.072)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.555.494.800)	(1.530.691.281)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(844.960.346)	(3.665.199.115)
Tiền lãi vay đã trả	14	(515.255.424)	(854.478.973)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.839.086.235)	(14.134.867.462)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	101.530.000	100.366.667
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.179.879.003)	(12.755.099.141)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	60.899.746.168	58.988.983.381
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(52.921.543.243)	(45.060.538.884)
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(33.049.589.041)	(27.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	28.049.589.041	23.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.842.109.535	2.021.032.726
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(56.079.433.708)	(47.039.506.158)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.031.443.468)	(4.031.443.468)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(25.477.348.160)	(20.783.814.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(29.508.791.628)	(24.815.257.984)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chi tiêu	Mã số	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(24.688.479.168)	(12.865.780.761)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	85.407.192.689	98.272.973.450
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	<u>60.718.713.521</u>	<u>85.407.192.689</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tạ Thị Kiều Vân

Nguyễn Hữu Cường

Nguyễn Hoài Nam

TỜ TRÌNH

**Về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025
và chia cổ tức từ lợi nhuận còn lại năm 2023 trở về trước**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;
- Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán) của Công ty,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung về tình hình lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 31/12/2025 và phương án phân phối lợi nhuận trong năm 2026, như sau:

I. Tình hình lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến ngày 31/12/2025

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2025	60.530.278.873	
2	Thuế TNDN năm 2025	12.238.256.455	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 (1) – (2)	48.292.022.418	
4	Lợi nhuận còn lại từ năm 2023 trở về trước	12.934.739.026	
	Tổng cộng (3) + (4)	61.226.761.444	

II. Phương án trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2025

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	14.752.738.000	30,55
2	Quỹ thưởng Người quản lý	622.702.080	1,29
3	Chia cổ tức cho cổ đông (18,6% mệnh giá)	17.409.600.000	36,05
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối Dự kiến phân phối trong năm 2028 - 2029	15.506.982.338	32,11
	Tổng cộng	48.292.022.418	100

III. Phương án chia cổ tức từ lợi nhuận còn lại năm 2023 trở về trước

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	
-	Lợi nhuận chưa phân phối	12.934.739.026	
-	Chia cổ tức cho cổ đông (9,00% mệnh giá)	8.424.000.000	
-	Lợi nhuận còn lại Dự kiến phân phối trong năm 2027	4.510.739.026	

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Kế toán trưởng Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.



Phạm Tuấn Anh

**BÁO CÁO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo định hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau:

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH KINH DOANH

Dự báo trong năm 2026, tình hình kinh tế – xã hội của Việt Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng sẽ tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, gắn với quá trình cải cách mạnh mẽ, mở ra giai đoạn phát triển mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Bối cảnh này vừa mang lại những cơ hội thuận lợi, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với các doanh nghiệp trong việc đổi mới tư duy quản trị, nâng cao năng lực cạnh tranh, từng bước hội nhập và phát triển bền vững, qua đó đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của nền kinh tế – xã hội đất nước.

Trong điều kiện đó, với vai trò là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết yếu, Công ty xác định nhiệm vụ trọng tâm là hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao, bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, liên tục, ổn định về chất lượng và đủ áp lực, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân, khách hàng trên địa bàn quản lý.

Công ty tiếp tục duy trì mục tiêu 100% hộ dân được cung cấp nước sạch, đồng thời tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động, chủ động thích ứng với yêu cầu đổi mới trong công tác quản lý, điều hành. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh chuyển đổi phương thức làm việc, từng bước ứng dụng công nghệ, hiện đại hóa hệ thống quản lý và vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hướng tới mục tiêu chiến lược xuyên suốt: “Vì chất lượng cuộc sống”.

II. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

Để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2026 đạt hiệu quả cao, Công ty đề ra các mục tiêu và định hướng chủ yếu như sau:

- Bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, liên tục, đạt chất lượng và áp lực theo quy định, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân và khách hàng; duy trì tỷ lệ 100% hộ dân trên địa bàn được cấp nước sạch.
- Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức; đồng thời bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Tập trung đầu tư hoàn thiện, phát triển, cải tạo và sửa chữa mạng lưới cấp nước trên địa bàn quản lý; bảo đảm chất lượng công trình gắn với công tác giám sát thoát, thất thu nước.

- Thực hiện hiệu quả lộ trình giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống dưới 10,5% vào cuối năm 2026; từng bước nâng cao hiệu quả đầu tư, tiến tới đạt điểm hòa vốn và thu hồi vốn với hiệu quả kinh tế phù hợp.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tăng năng suất lao động, giảm thất thoát nước, nâng cao chất lượng dịch vụ và từng bước xây dựng hệ thống cấp nước thông minh.

- Cải thiện môi trường và điều kiện làm việc; tạo điều kiện để người lao động phát huy năng lực và tinh thần sáng tạo, qua đó nâng cao năng suất lao động, phúc lợi và thu nhập.

- Xây dựng Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành trở thành doanh nghiệp phát triển bền vững, thân thiện với môi trường, thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ với Nhà nước, bảo đảm hài hòa lợi ích của cổ đông, đối tác, khách hàng và người lao động.

III. CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026: (các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu)

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2025 và dự báo năm 2026, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu như sau:

Số TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ tăng trưởng năm 2026 so với năm 2025 (%)
		(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)
1	Sản lượng nước mua sỉ	Triệu m ³	39.210	40.112	+2,30
2	Sản lượng nước tiêu thụ	Triệu m ³	35.397	35.900	+1,42
3	Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	549.507	558.604	+1,66
4	Giá bán bình quân	Đồng	15.528	15.560	+0,21
5	Tỷ lệ thực thu đương niên	%	99,02	≥99%	-
6	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	-
7	Tỷ lệ thất thoát nước	%	9,71	10,5	-
8	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	60.530	61.000	+0,78
9	Cổ tức năm hiện tại Cổ tức bổ sung	%/mệnh giá	Dự kiến 18,6 Dự kiến 9	Dự kiến 18,6 Dự kiến 9	-

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm và sửa chữa năm 2026:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư xây dựng, mua sắm và sửa chữa năm 2026 của Công ty là 237.862 triệu đồng, cụ thể như sau:

Số TT	Tổng nguồn vốn	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2026		
			Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (triệu đồng)	Giá trị giải ngân (triệu đồng)
		237.862	13.553	168.103	121.917
1	Vốn kinh doanh	132.468	9.114	62.709	44.687
2	Vốn sửa chữa	105.394	4.439	105.394	77.230

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ trọng tâm:

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành tập trung triển khai nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, với mục tiêu bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, liên tục và ổn định cho người dân và khách hàng trên toàn địa bàn quản lý, duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được tiếp cận nguồn nước sạch, đồng thời kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước xuống dưới 10,5% vào cuối năm. Hoạt động sản xuất kinh doanh được triển khai nhằm đạt mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hợp lý, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và các nguồn lực đầu tư, đồng thời tập trung đầu tư, cải tạo và hiện đại hóa mạng lưới cấp nước.

Công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, tăng cường tự động hóa, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường, với mục tiêu nâng cao độ tin cậy, tính an toàn và khả năng vận hành ổn định của hệ thống cấp nước. Bên cạnh đó, công ty đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ và công tác chăm sóc khách hàng, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của cộng đồng. Song song với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, công ty không ngừng nâng cao năng lực quản trị, kiện toàn tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực và tăng cường ứng dụng khoa học – công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật.

Công ty củng cố và phát triển văn hóa doanh nghiệp, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, hướng tới đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Các sáng kiến chuyển đổi số được triển khai nhằm tối ưu hóa công tác quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, nâng cao năng lực phân tích và khai thác dữ liệu, đồng thời tăng cường kiểm soát rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Những giải pháp này giúp gia tăng giá trị lâu dài cho cổ đông, đồng thời đảm bảo hài hòa lợi ích giữa cổ đông, khách hàng và cộng đồng. Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành cam kết thực hiện toàn diện các nhiệm vụ nêu trên, góp phần phát triển bền vững, nâng cao chất lượng dịch vụ và thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương.

2. Giải pháp chủ yếu:

- Từng bước triển khai thay thế đồng hồ nước thông minh đối với nhóm khách hàng có sản lượng sử dụng lớn (từ đồng hồ 25 ly trở lên); tổ chức theo dõi, giám sát dữ liệu sử dụng nước 24/24 giờ nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các bất thường, bảo đảm hiệu quả đầu tư; đồng thời thực hiện thay thế đồng hồ nước định kỳ 5 năm theo quy định hiện hành.

- Phối hợp triển khai chương trình hạn chế khai thác nước ngầm của Thành phố; tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong công tác bảo vệ tài nguyên nước, góp phần phát triển bền vững.

- Tăng cường công tác dò tìm, phát hiện và sửa chữa bể; tập trung xử lý các khu vực DMA có tỷ lệ thất thoát nước cao. Việc thi công các công trình và sửa chữa bể phải tuân thủ nghiêm các yêu cầu kỹ thuật; các đoạn ống cũ không còn sử dụng phải được bít hủy triệt để. Đẩy mạnh công tác giám sát, kiểm tra, bảo đảm các đơn vị thi công và nhà thầu thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và tiêu chuẩn kỹ thuật; kiên quyết chấm dứt hợp tác đối với các nhà thầu thường xuyên vi phạm hoặc không bảo đảm chất lượng, an toàn lao động. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng đến mạng lưới cấp nước trong quá trình thi công.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên; xây dựng đội ngũ kế thừa đáp ứng yêu cầu phát triển ổn định và lâu dài của Công ty.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy; nâng cao chất lượng đội ngũ công nghệ thông tin theo hướng chuyên môn hóa; bảo đảm quản lý, vận hành hiệu quả Trung tâm vận hành mạng lưới cấp nước (Network Operation Center – NOC). Phát triển các ứng dụng trên nền tảng cơ sở dữ liệu GIS; đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, giám sát và xử lý sự cố trên mạng lưới cấp nước; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số tại Công ty.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng; kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tập trung hoàn thiện thể chế nội bộ; xây dựng đội ngũ lao động theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; tăng cường hiệu quả công tác truyền thông doanh nghiệp; duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

- Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công tác thông qua việc áp dụng các chỉ số đánh giá hiệu quả (KPIs) phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty; tiếp tục thực hiện cơ chế khoán lương đối với các phòng, ban, đội và bộ phận nhằm nâng cao năng suất lao động, đánh giá đúng kết quả thực hiện nhiệm vụ và cải thiện thu nhập cho người lao động.

- Bảo đảm tình hình tài chính an toàn, lành mạnh; bảo toàn và phát triển vốn; tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động thường xuyên cũng như trong sản xuất kinh doanh và đầu tư.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro; bảo đảm an toàn, an ninh cấp nước; chủ động xây dựng và triển khai các phương án ứng phó với sự cố, thiên tai và biến đổi khí hậu, bảo đảm cấp nước liên tục, ổn định trong mọi tình huống.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ môi trường; sử dụng hiệu quả tài nguyên nước; tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về sử dụng nước tiết kiệm, an toàn và bền vững.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ kiểm toán độc lập và công bố thông tin theo đúng quy định đối với công ty niêm yết; phát huy hiệu quả công tác kiểm toán nội bộ; xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy định, quy chế quản trị nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

Trên đây là định hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2026. Để có cơ sở cho Hội đồng quản trị và Ban quản lý, điều hành triển khai thực hiện, đồng thời để có thể điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu (như doanh thu, lợi nhuận,...) trong năm 2026 phù hợp với tình hình thực tế, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét:

1. Chấp thuận thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, bao gồm các mục tiêu định hướng, chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu nêu trên.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu; các nội dung về đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa và các giải pháp (nếu có) nhằm phù hợp với tình hình thực tế trong năm 2026.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

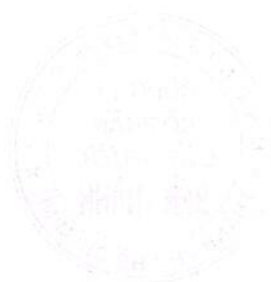
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Signature]

Phạm Tuấn Anh



TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty với các nội dung cụ thể như sau:

1. Danh sách công ty kiểm toán đề xuất

Ban Kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty, gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	Số 1 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
2	Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam	Tòa nhà Indochina - Tầng 2, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh.
3	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY	Tầng 5, Tòa B2, Roman Plaza, Đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội.

2. Ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn 01 công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

3. Về phí kiểm toán

Giao Giám đốc Công ty thương thảo với công ty kiểm toán được lựa chọn nhằm đảm bảo mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với quy mô và yêu cầu kiểm toán của Công ty.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Kế toán trưởng Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Thu Hương

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua mức thù lao của HĐQT, BKS
và Người phụ trách quản trị kiêm nhiệm Thư ký HĐQT Công ty năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và Người phụ trách quản trị kiêm nhiệm Thư ký HĐQT Công ty năm 2026, cụ thể như sau:

- Thành viên HĐQT : 8.000.000 đồng/người/tháng
(Tăng 1.000.000 đồng/người/tháng so với mức thù lao 7.000.000 đồng/người/tháng áp dụng từ năm 2023)
- Thành viên BKS : 5.000.000 đồng/người/tháng
- Người phụ trách quản trị kiêm nhiệm thư ký HĐQT : 5.000.000 đồng/người/tháng
(Tăng 1.000.000 đồng/người/tháng so với mức thù lao 4.000.000 đồng/người/tháng áp dụng từ năm 2023)
- Riêng Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS do đảm nhận công tác chuyên trách nên không nhận thù lao nêu trên.

Mức thù lao đề xuất nêu trên phù hợp với mặt bằng chung hiện đang áp dụng tại các công ty cổ phần cấp nước trực thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV; đồng thời thể hiện sự ghi nhận đối với những nỗ lực và đóng góp của các thành viên HĐQT, BKS trong công tác quản lý, giám sát và điều hành, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Căn cứ quy định tại điểm i khoản 2 Điều 15 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, việc quyết định mức thù lao của HĐQT và BKS thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Vì vậy, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua nội dung nêu trên.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Tuấn Anh



TỜ TRÌNH

Về việc Báo cáo kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025; thông qua giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, ủy quyền thực hiện và cơ chế thanh toán liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

I. Báo cáo kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025:

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24/4/2025 về việc thông qua đơn giá Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 (đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT là 7.422,83 đồng/m³) và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo, ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (điều chỉnh) năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (sau đây gọi là “Công ty”) và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (sau đây gọi là “Tổng Công ty”).

Ngày 30/12/2025, Tổng Công ty ban hành Công văn số 10057/TCT-KDDVHH về việc điều chỉnh đơn giá Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 giữa hai bên, theo đó đơn giá được điều chỉnh từ 7.422,83 đồng/m³ lên 7.455,49 đồng/m³ (chưa bao gồm thuế GTGT 5%).

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CNBT-HĐQT ngày 03/02/2026 chấp thuận việc ký kết:

- Bản thỏa thuận về đơn giá Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025;
- Phụ lục hợp đồng điều chỉnh đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2025 với đơn giá 7.455,49 đồng/m³ (chưa bao gồm thuế GTGT 5%).

Đồng thời, Hội đồng quản trị đã ủy quyền cho Giám đốc Công ty xem xét và ký kết các Bản thỏa thuận, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 04 năm 2026 (trong thời gian chờ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua đơn giá năm 2026), với các điều khoản tương tự Hợp đồng năm 2025 và đơn giá tạm áp dụng là 7.455,49 đồng/m³ (chưa bao gồm thuế GTGT).

Công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

II. Thông qua giao dịch Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và ủy quyền thực hiện:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ.

Tại khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ khác thấp hơn.

Tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền quyết định đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp trở lên theo báo cáo tài chính gần nhất.

Tại điểm r khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty quy định Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền thông qua việc Công ty ký kết hợp đồng với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.

Ngày 20/01/2026, Tổng Công ty ban hành Công văn số 672/TCT-KDDVHH về đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2026 giữa Tổng Công ty và Công ty, với đơn giá đề xuất là 7.455,49 đồng/m³ (chưa bao gồm thuế GTGT 5%).

Theo kết quả thực hiện năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, tổng giá trị thanh toán dự kiến theo các Bản thỏa thuận và Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 với Tổng Công ty sẽ lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty.

Do đó, căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty, giao dịch này thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

III. Nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc Công ty ký kết và thực hiện Bản thỏa thuận và Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, với các nội dung chính:

- Đơn giá: 7.455,49 đồng/m³ (chưa bao gồm thuế GTGT 5%);
- Tổng giá trị thực hiện theo sản lượng thực tế năm 2026;
- Trường hợp có sự thay đổi tốc độ tăng hoặc giảm giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2026 so với năm 2025 theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì đơn giá mua sỉ được điều chỉnh theo nguyên tắc và cơ chế đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Giao Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức thương thảo chi tiết, ký kết hợp đồng, phụ lục hợp đồng và tổ chức thực hiện theo đúng nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Chấp thuận cho Giám đốc Công ty được tạm thanh toán tiền mua sỉ nước sạch năm 2027 theo đơn giá áp dụng năm 2026 trong thời gian chờ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027 phê duyệt đơn giá chính thức.

3. Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm triển khai giao dịch và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất theo quy định.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Đính kèm tờ trình: Dự thảo Bản thỏa thuận và Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

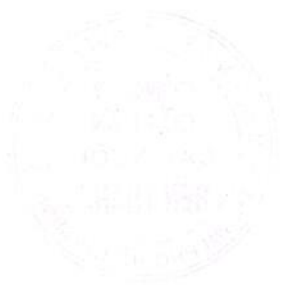
Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Tuấn Anh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2026

BẢN THỎA THUẬN

Về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026
giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2026, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công Trường Quốc Tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN:

Ông: **Đặng Đức Hiền** - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 8409/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH:

Ông: **Nguyễn Hoài Nam** - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Cùng thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 giữa hai bên như sau:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 sẽ thực hiện việc mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng. Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ thực hiện theo các nội dung và nguyên tắc sau:

I./ VỀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ bao gồm các điều khoản sau:

- Khối lượng nước mua bán.
- Ghi nhận, tính toán khối lượng nước.
- Chất lượng nước sạch.
- Đơn giá mua bán.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước.
- Trách nhiệm của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Điều khoản chung.

II./ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN:

1. Khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán là lượng nước thực vào địa bàn của Bên B được xác định mỗi kỳ 01 lần vào ngày 25 của mỗi tháng thông qua việc đọc số tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) của các đồng hồ tổng nguồn, các đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ nước khách hàng được xem là đồng hồ tổng, trong đó có giảm trừ lượng nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

2. Xác định khối lượng nước mua bán:

2.1 Thiết bị đo đếm:

Khối lượng nước mua bán sỉ hàng kỳ được ghi nhận qua hệ thống đồng hồ tổng, được phân thành 03 loại: Đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trong hợp đồng mua bán sỉ nước sạch gọi chung 03 loại này là đồng hồ tổng, được định nghĩa và hiểu như sau:

- Đồng hồ tổng nguồn: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới đường ống của Bên B (Phụ lục).
- Đồng hồ tổng tách mạng: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước qua lại giữa Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của Bên A (Phụ lục).
- Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng (Phụ lục đính kèm).

2.2 Cách tính lượng nước mua bán sỉ:

a. Trường hợp đồng hồ tổng hoạt động bình thường:

Lượng nước mua bán sỉ được xác định:

$$Q = \sum_i^n Q_i - \text{Lượng nước giảm trừ}$$

Với: Q_i : là lượng nước các đồng hồ tổng (cả 03 loại) ghi nhận được trong thời gian mua bán sỉ.

Lượng nước giảm trừ được xác định khi xảy ra các trường hợp xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A. Khi đó hai bên sẽ cùng tiến hành ghi nhận làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

b. Trường hợp đồng hồ tổng đo đếm có sự cố:

Hai bên thống nhất bổ sung quy trình xử lý, các trường hợp tính trung bình và quy tắc ứng xử trong các trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố, nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng như sau:

❖ Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố được thực hiện như sau:

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin ... thì thực hiện theo quy trình sau:

- + Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- + Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- + Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:

Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đấu nối tiếp đất ...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.

Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

❖ Các trường hợp tính trung bình lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm:

- + ***Trường hợp 1: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

+ **Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều hơn 10 ngày.**

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

+ **Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).**

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2 của Trường hợp 2.

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 3 của Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố nêu trên.

+ **Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết**

Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.

Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = $K \times$ khối lượng bình quân ngày theo Trường hợp 1 hoặc Trường hợp 2.

Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước
tương ứng với các ngày cần tính trung bình

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư hỏng tương ứng của năm trước}}$$

+ **Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:**

Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

+ Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:

Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo Trường hợp 2.

Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.

Trường hợp giải quyết theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

❖ Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng:

- + Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- + Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- + Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- + Lượng nước mua bán si trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại Trường hợp 2.
- + Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.

Lượng nước đã tạm tính ở mục 4 của Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng sẽ được so sánh khối lượng đo đếm

thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

2.3 Công tác đọc số đồng hồ tổng:

Hàng kỳ, 02 bên cử đại diện để tiến hành ghi nhận chỉ số tiêu thụ và lập biên bản ghi nhận chỉ số tiêu thụ đồng hồ tổng. Việc phối hợp thực hiện như sau:

- Đối với đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: Bên A và Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của Bên A. Bên thứ ba sẽ được xác định trước và lập danh sách các đồng hồ tổng này để cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán.

2.4 Thời gian đọc số đồng hồ tổng:

Việc đọc số đồng hồ tổng được xác định vào ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút.

III./ VỀ ĐƠN GIÁ MUA BÁN:

1. Hai bên thống nhất xác định đơn giá hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 như sau:

$$GBS_{2026} = GBS_{2025} * (1 + \% \text{ Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân})$$

Trong đó:

- GBS_{2025} : là đơn giá mua bán sỉ cho lượng nước khách hàng sử dụng khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B năm 2025 tăng theo tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân đạt được của năm 2025 so với năm 2024. Cụ thể là **7.455,49 đồng/m³**.
 - $\% \text{ Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân}$: là tốc độ tăng hoặc giảm giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2026 so với giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2025.
2. Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 sẽ được tính theo đơn giá như sau: Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định (Phụ lục đính kèm) là **7.455,49 đồng/m³**. Đơn giá này sẽ được tính toán lại vào cuối năm theo nguyên tắc xác định đơn giá nêu trên.
 3. Đơn giá mua bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
 4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

IV./ VỀ THANH TOÁN:

- Hàng tháng Bên B sẽ thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch cho Bên A như sau:

- + Đợt 1: Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày hai bên ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán cho Bên A số tiền là 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng.
- + Đợt 2: Ngày 15 (mười lăm) của tháng liền kề sau ngày hai bên ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán hết cho Bên A số tiền còn lại.
- Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- Thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch bằng hình thức chuyển khoản.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng, nếu có những phát sinh vượt dự kiến, hai bên sẽ cùng thương thảo để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2026

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH

Số: _____/HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày ... tháng ... năm 2026 về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2026, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, số 01 Công Trường Quốc Tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)

Trụ sở chính: Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974.

Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số: 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Hoặc tài khoản số: 0371000495179 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định.

Mã số thuế: 0301129367

Do Ông: **Đặng Đức Hiền** - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 8409/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH (*Bên mua*)

Trụ sở chính : Số 194 Pasteur, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 297 147

Fax: (84.8) 38 229 778

Tài khoản số : 622.021.145.0011 tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Chợ Lớn – Chi nhánh Hòa Bình.

Hoặc tài khoản số: 046.100.0514782 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình Dương.

Mã số thuế : 0304789925

Do Ông : **Nguyễn Hoài Nam** - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng nước mua bán.

1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:

1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới cấp nước của Bên B.

1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Bên A.

1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.

1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:

1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.

1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần đối với đồng hồ cơ khí và định kỳ 03 (ba) năm một lần đối với đồng hồ điện tử, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.

1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.

- 1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.
- 1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.
- 1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.
- 1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **2.500.000 m³** (hai triệu năm trăm ngàn mét khối).

Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.

Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.

2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:

2.1.1 Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Thời gian ghi nhận khối lượng nước mua bán thông qua số liệu của Data logger vào lúc 7h00 ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, khối lượng nước mua bán được tính theo chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng vào ngày 25 hàng tháng. Thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại khoản 7.1.3, 7.2.3 Điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

Khối lượng nước giảm trừ được hai bên lập thành biên bản và thống nhất chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được nêu tại Khoản 2.1.1 Điều 2. Sau thời gian này, nếu hai bên không thống nhất được thì khối lượng nước mua bán trong kỳ sẽ không tính khối lượng nước giảm trừ. Khối lượng nước giảm trừ sẽ tiếp tục được hai bên thống nhất vào kỳ mua bán kế tiếp.

2.1.3 Trường hợp các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước được tính trung bình và/hoặc sẽ cùng

thỏa thuận giữa các bên. Cách thực hiện được nêu tại Phụ lục 5 của hợp đồng này.

2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

Điều 3: Chất lượng nước sạch:

3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này. Đối với chất lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng, các chỉ tiêu, giới hạn thông số áp dụng theo Điều 4 Chương II của QCVN 01-1:2024/BYT và tần suất thực hiện các chỉ tiêu được áp dụng theo Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch được ban hành, chất lượng nước mua bán giữa hai bên sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch.

3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:

3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua si nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:

3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu theo quy định. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.

3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại Khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.

- 3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá mua bán

- 4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3 Điều 1 của hợp đồng này là **7.455,49 đồng/m³**.
- 4.2 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 4.3 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 5: Thanh toán.

- 5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán sử dụng nước sạch như sau:
- 5.1.1 Sau ngày hai bên đã ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này thì vào ngày 05 (năm) của tháng liền sau đó Bên B phải thanh toán 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng cho Bên A.
- 5.1.2 Sau ngày hai bên đã ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này thì vào ngày 15 (mười lăm) của tháng liền sau đó Bên B phải thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.
- 5.1.3 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại khoản 5.1.1, 5.1.2 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- 5.2 Trường hợp bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.
- 5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:
- Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng này (Phụ lục 3).
 - Thông báo số tiền phải thanh toán (Phụ lục 4).
 - Bảng kết quả kiểm nghiệm.
 - Hóa đơn bán sỉ.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước

- 6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:
- 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
- 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

- 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:
 - 6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
 - 6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
 - 6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.
 - 6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên.

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

- 7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 8.
- 7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài khối của mình.
- 7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài khối của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.
- 7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).
- 7.1.5 In hóa đơn tiền nước cho Bên B theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.
- 7.1.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.

7.2 Trách nhiệm của Bên B:

- 7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

- 7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài khối của Bên A và/hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.
- 7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mạng lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sử dụng nước sạch với Bên A.
- 7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.
- 7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

- 7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).
- 7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

- 8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được như:
- Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.
 - Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
 - Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động khởi xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
 - Nước thô để khởi xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
 - Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.
- 8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ

cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

- 8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

- 9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026.
9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.
9.3 Hợp đồng này tự thanh lý khi hai bên hoàn thành trách nhiệm nêu tại Điều 7 của hợp đồng.

Điều 10: Điều khoản chung.

- 10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A